

Đất nước Việt thượng cổ thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa

Thành kính ghi nhớ công đức tiền nhân

Từ bao thế kỷ nay, người Việt chúng ta vững tin rằng những cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt vào thời Hai Bà Trưng chống lại ách đô hộ của nhà Đông Hán vào đầu thế kỷ I là có thật.

Theo lịch sử truyền thống dân tộc, cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt thời Hai Bà khởi phát trong vùng đồng bằng sông Hồng. Tuy nhiên, xem kỹ lại những ghi chép trong các cổ thư Tàu và Việt về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà thì thấy có một số địa danh nước Việt thượng cổ hiện hữu trong vùng Giang Nam và Lĩnh Nam.

Các cổ thư Tàu sớm nhất có ghi chép về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà như: Hậu Hán kỷ 後漢紀[tác giả Viên Hoành 袁宏 (328-376)], Hậu Hán thư 後漢書[tác giả Phạm Việp 范曄(398-446)], Thủy kinh chú 水經注 [tác giả Lịch Đạo Nguyên 酈道元 (466 hay 469 (?) – 527)] được soạn ra trong khoảng 300 đến 500 năm sau thời Hai Bà khởi nghĩa. Hẳn như thế các tác giả phải dựa vào những **truyền thuyết** được lưu truyền lại trong dân gian để biên soạn.

Trong biên khảo này, người viết không có ý tranh luận về những ghi chép trong các cổ thư Tàu kể trên về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà vì đây chỉ là các ghi chép những điều truyền khẩu qua nhiều đời trong 3 đến 5 thế kỷ, không có bằng chứng gì chắc chắn và sao tránh khỏi sai lạc hoặc đã phải chịu thêm bớt, thay đổi không ít. Chưa kể là nhiều tình tiết **truyện sử truyền khẩu** chưa chắc có thực, có thể chỉ là những điều hư cấu do các văn gia Tàu tiểu thuyết hóa các truyền thuyết về các nhân vật lịch sử. Vì vậy, có nhiều ghi chép về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà trong các cổ thư Tàu không chắc đã đáng tin và **không thể xem là chính sử** được!

Thiên nghi, điều thiết thực là chúng ta chỉ nên ghi nhận những địa danh, tên núi, sông hồ để chú tâm tìm hiểu về lĩnh thổ đất nước Việt thượng cổ vào thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa.

Theo thời gian, một số quận huyện hành chính có thể bị các triều đình Tàu đổi tên, nhưng núi không thể dời chỗ, sông có đổi dòng cũng không thể chảy xa cách hẳn dòng sông ngày trước, thế cho nên hậu sinh chúng ta có thể tin là tên núi, tên sông hồ cùng địa danh những nơi gần quanh các núi hoặc dòng sông chảy qua là có thật và hầu hết vẫn được dân gian giữ lại như xưa. Thêm nữa, chúng ta có thể tìm lại trong thơ văn của các văn gia, thi sĩ trong nhiều thế kỷ qua, đối chiếu tên sông núi, địa danh với những chi tiết được ghi lại trên các bản đồ để định vị trí một số địa danh nước Việt thượng cổ trong vùng Đông Á.

Dựa theo quan điểm này, người viết cố gắng thu thập và tìm hiểu các bản đồ vùng Đông Á từ xưa đến tiền bán thế kỷ thứ 20, mong có thể trình bày với quý bạn đọc vị trí một số địa danh nước Việt thượng cổ thời Hai Bà khởi nghĩa.

Xin trình bày biên khảo này theo hình thức mỗi địa danh được ghi chép thành một bài ngắn và sẽ tuần tự đăng trong thời gian tới.

Vì kiến thức Hán văn hạn hẹp nên người viết phải tham khảo, đối chiếu nhiều bản dịch các cổ thư Việt và Tàu, các tài liệu ngoại ngữ và những bài viết trên mạng. Tuy đã cố gắng tra cứu cẩn thận nhưng thế nào biên khảo này cũng có điều sai sót. Rất mong sẽ được các bậc thức giả cao minh chỉ dẫn để người viết được học hỏi thêm và hiệu đính cùng bổ túc bài viết cho đúng và đầy đủ hơn.

Xin chân thành cảm tạ.

Đỗ Hoàng Ý

Tháng 3 năm 2024

**Khảo luận về một số địa danh nước Việt thượng cổ
thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa**



I. Ngũ Lĩnh – Lĩnh Nam, Lĩnh ngoại, Lĩnh biểu

II. Phân Mao Lĩnh – Truyền thuyết *đồng trụ Mã Viện*

III. Kim Khê – Tương Âm – Lâm Hương

IV. Giao Chỉ - Cửu Chân – Nhật Nam

V. Mi Linh/ Mơ Linh / Mê Linh

Ngũ Lĩnh

Dãy Ngũ Lĩnh được xem là đường phân thủy giữa hai vùng châu thổ của Trường giang (sông Dương Tử) và Việt giang (Tây giang /Châu giang).

* Theo *Thủy Kinh Chú*: Dãy Ngũ Lĩnh gồm 5 rặng núi hợp thành, tổng thể trải dài hơn ngàn cây số theo hướng Tây Nam - Đông Bắc, theo thứ tự từ Tây sang Đông như sau:

Việt Thành lĩnh (Yuechengling - 越城嶺)

Đô Bàng lĩnh (Dupangling - 都龐嶺)

Manh Chủ lĩnh (Mengzhuling - 萌渚嶺)

Kỵ Điền lĩnh (Qitianling - 騎田嶺)

Đại Du (Dữu) lĩnh (Tayuling - 大庾嶺)

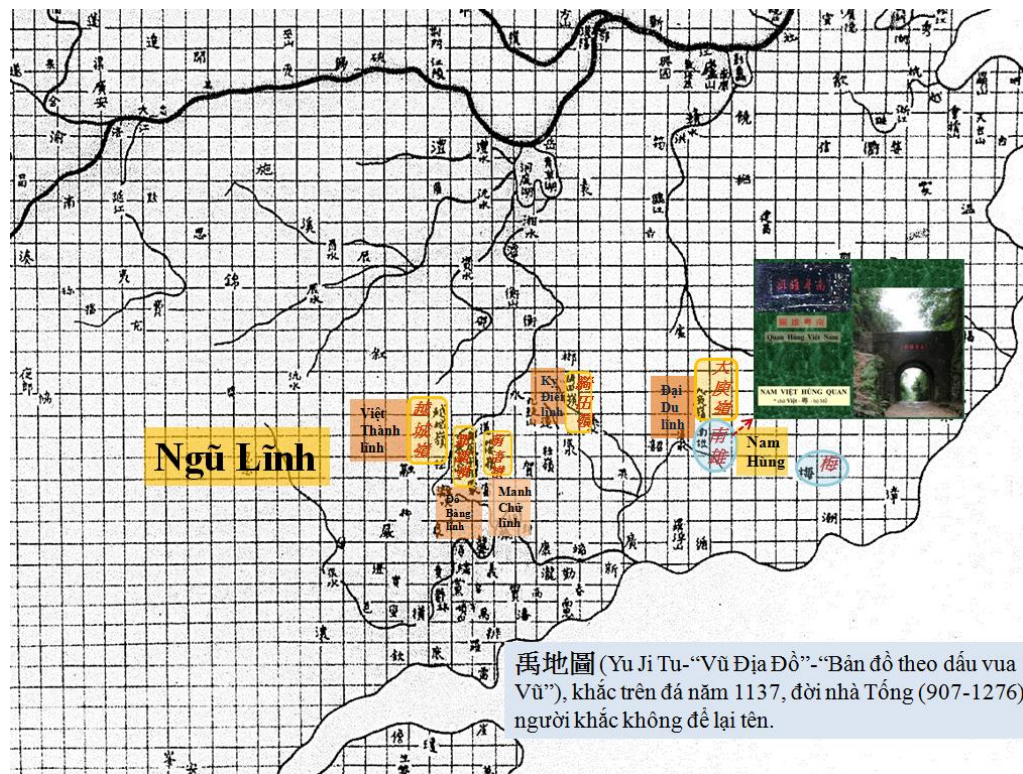
Từ khoảng thế kỷ 19, Ngũ Lĩnh được ghi trong cổ sử Tàu và các bản đồ cổ với tên **Nam Lĩnh**.

*Theo *Nam Khang ký*:

69 - Sách *Nam khang ký* chép: "Ngũ lĩnh là: 1 - Đại Lĩnh, ở Đại Dữu; 2 - Kỵ Điền, ở huyện Quế Dương; 3 - Đô Bàng, ở Cửu Chân; 4 - Manh Chủ, ở Lâm Hạ; 5 - Việt Thành, ở Thủy Yên".

(trích từ: Vân Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, 1773. Biên dịch, Khảo thích: Trần văn Giáp – Hiệu đính, giới thiệu tác giả: Cao Xuân Huy - Hà Nội, 1961).

*Theo bản đồ 禹迹图 (hoặc 禹跡圖) **Yu Ji Tu** (Vũ tích đồ - Theo dấu tích vua Đại Vũ)

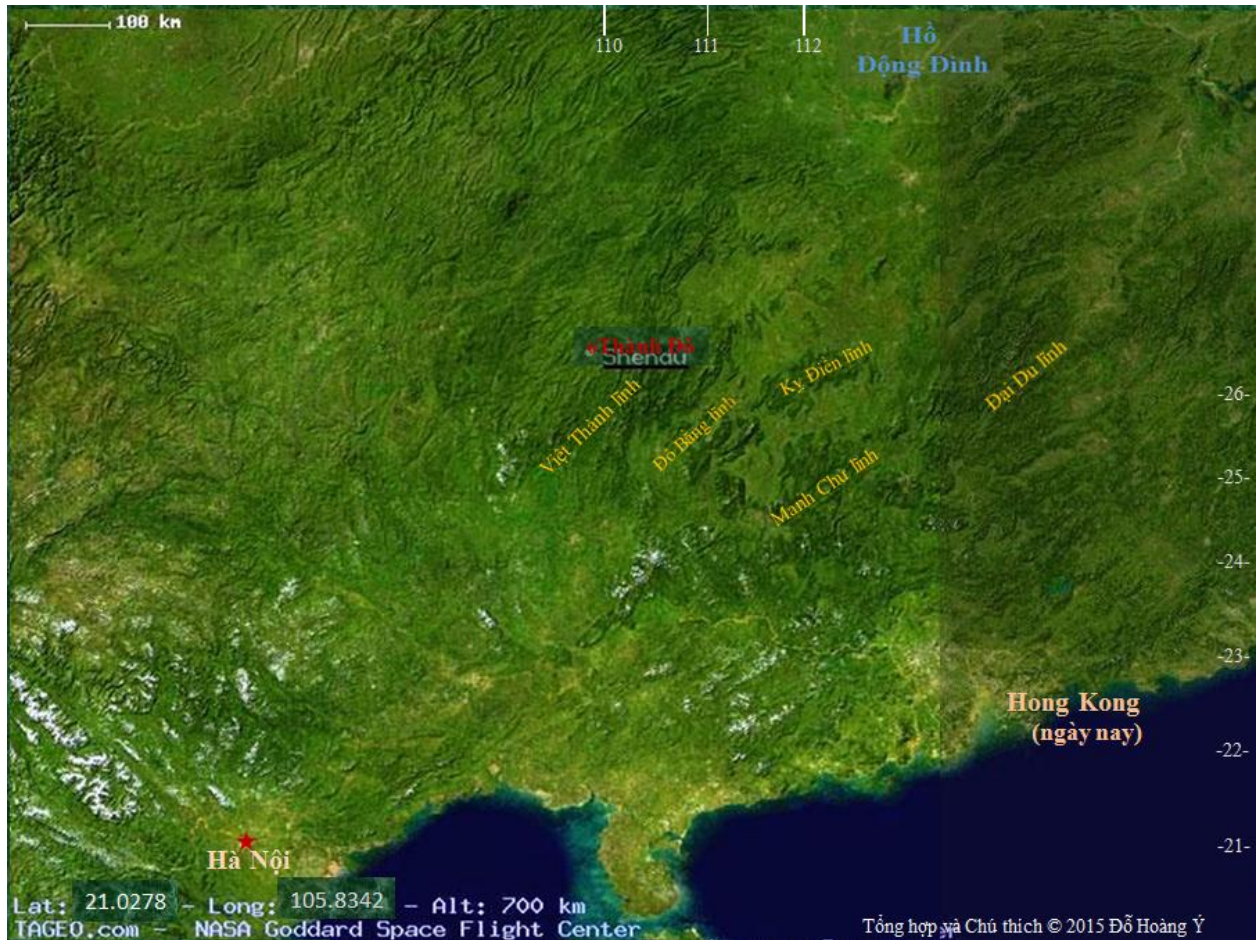


Nguồn: Library of Congress Geography and Map Division Washington, D.C. 20540-4650 USA dcu. (<http://hdl.loc.gov/loc.gmd/g7821c.ct001493>).

Sưu Tập: Hồ Vĩnh Hào

Tổng hợp & Chú thích: © 2015 Đỗ Hoàng Ý

*Theo bản đồ không ảnh chụp vào thế kỷ thứ 20:



Vào thế kỷ 16, sứ thần **Nguyễn Thục** *(1554-1637) được cử đi sứ bên Tàu, trong thời gian này ông có làm một số bài thơ, sau bị thất lạc.

* ông người làng Vân Điền (tên nôm gọi là làng Đóm) nay thuộc xã Vân Hà, huyện Đông Anh, thi đỗ tiến sĩ đệ nhị giáp (Hoàng Giáp) khoa thi Đình đầu tiên thời Lê Trung Hưng (1595) mở tại Thăng Long.

Mãi đến thế kỷ 18, danh sĩ Lê Quý Đôn sưu tầm được mười bài, có bốn bài Nguyễn Thục làm khi trên đường đi sứ về, trong đó có bài **Nam hoàn chí Ngũ Lĩnh** nhắc đến biên thùy đất Việt, sự tích Trung Vương, truyền tích **đồng trụ** trong vùng Ngũ Lĩnh.

Nam hoàn chí Ngũ Lĩnh

南還至五嶺

Ngũ Lĩnh thiếu thiêu trấn Việt thùy

五嶺岹嶢鎮越陞，

Hứa đa cảnh trí chiếm thanh kỳ

許多景致占清奇。

Uất thông, đông hậu tùng thiên cán

鬱蔥冬後松千幹，

Nùng diễm xuân tiền mai nhất chi

濃艷春前梅一枝。

Đồng trụ Trung Vương lưu cựu tích

銅柱徵王留舊蹟，

Thạch Nhại Trương tướng nghiêm tùng từ

石街張相儼叢祠。

Phong cương tự cổ phân trung ngoại

封疆自古分中外，

Kham tiến thiên công xảo thiết thi.

堪羨天工巧設施。

Dịch nghĩa

Ngũ Lĩnh cao chót vót trấn giữ biên giới đất Việt,
Có nhiều phong cảnh chiếm phần thanh kỳ.
Sau mùa đông nghìn gốc tùng vẫn xum xuê,
Trước mùa xuân một cành mai tươi đẹp.
Cột đồng còn lưu dấu cũ từ thời Trung Vương,
Đường đá nghiêm nhiên còn toà đền tướng họ Trương.
Bờ cõi từ xưa đã chia ranh giới Trung Quốc với ngoại bang,
Khen tài thợ trời khéo bày đặt phong cảnh núi này.

(Nguồn: *Tổng tập Văn học Việt Nam* - Bùi Duy Tân (chủ biên) - Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997).
<https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Th%E1%BB%B1c/Nam-ho%C3%A0n-ch%C3%AD-Ng%C5%A9-L%C4%A9nh/poem-H9DG8i-JPVkk8oCklQwwug>.

Chú thích: “Về Nam đến Ngũ Lĩnh” – Tác giả: Nguyễn Thục (Bản chữ Tàu và âm Hán Việt được Lí Nhĩ Chân đưa lên mạng - Ngày 10-3-2011) với chú thích:

* 張相: 張 “Trương” là 張九齡 (Trương Cửu Linh), người huyện Khúc Giang - Thiều Châu (thuộc thành phố Thiều Quan tỉnh Quảng Đông ngày nay). Thời Đường Huyền Tông, họ Trương làm 尚書右丞相 (Thượng thư Hữu Thừa tướng), do đó mới gọi là 張相 (Trương Tướng). Năm Khai Nguyên thứ tư (716 TL) họ Trương cho đục núi sửa đường ải Mê Quan (梅關 - Méiguan) trên dãy Ngũ Lĩnh, cải thiện *cổ đạo* qua lại giữa Lĩnh Nam và Trung Nguyên.

Khảo luận:

Từ thời thượng cổ, các tộc người Đông Á thông thương qua lại giữa hai miền đồng bằng Việt giang (Tây giang, Châu giang) với đồng bằng trung lưu Dương Tử, qua đường **đèo** trên **núi Mơ Linh*** trong rừng Đại Du (Dữ) thuộc Ngũ Lĩnh, đường đi rất hiểm trở khó qua lại.

Vua quan nhà Tần cho xây cửa ải (ải quan) trên đèo, đặt tên **Hoành Phổ quan**.

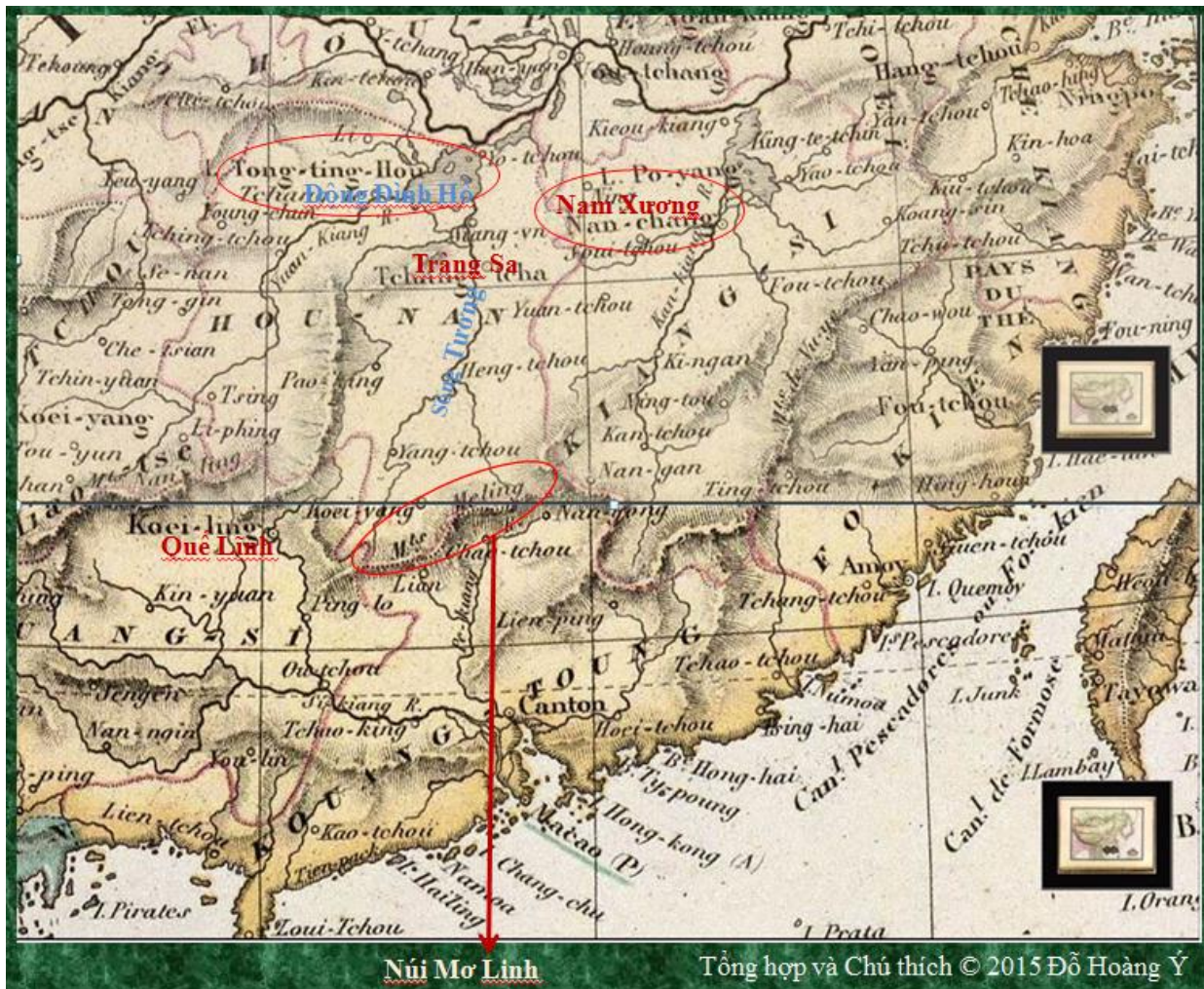
Đời Đường gọi cửa ải này là Tần quan (Qin quan). Năm 716, Tể tướng Trương Cửu Linh mở rộng thêm lối đi, cho đục đá xuyên qua núi bên dưới lối đi cũ để bớt dốc và lát gạch cho dễ qua lại, gọi là **梅关古道 Mé quan** cổ đạo**. Trên tường mặt hướng Nam cửa ải có khắc hàng chữ "**Nam Việt Hùng quan**" - 南粤雄關, mặt hướng Bắc có khắc hàng chữ "**Lĩnh Nam Đệ Nhất quan**" - 嶺南第一關.

Đời Tống, ải quan được gọi là **Lĩnh Thượng quan**.

**Mé quan: Méiguān (âm Pinyin)

Ghi chú:

* Theo bản đồ *Asie Orientale, Chine & Japon. Atlas spheroidal & universel de geographie dresse par F.A. Garnier, geographe. Vve. Jules Renouard, Editeur, Rue de Tournon, no. 6, Paris. 1860. Imp. de Sarazin, 8 r. Git-le-Coeur, Paris*, tên núi được ghi là *Montagnes Meling* (đọc theo âm tiếng Pháp là Mo Linh hoặc M'Lin).

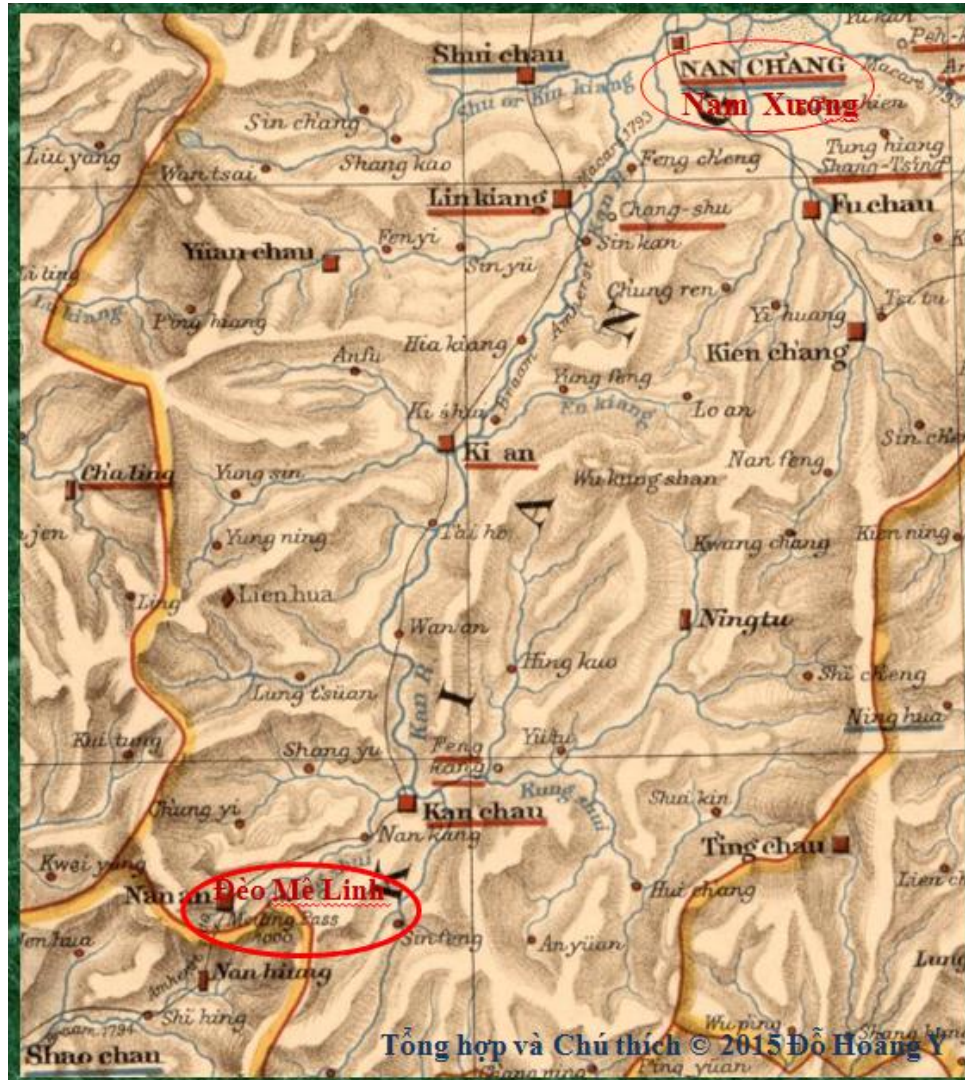


* Theo bản đồ *Complete Atlas of China**, đường đèo được ghi là **Meiling Pass**.

*prepared by Mr. Edward Stanford for the China Inland Mission – Stanford's Geographical Establishment, 1898.- Edward Stanford, Ltd., London, 1908-1917).

(Library of Congress Geography and Map Division Washington, D.C. 20540-4650 USA dcu.

Digital Id: <http://hdl.loc.gov/loc.gmd/g7820.ct005548>).



(đến nay vẫn không biết được cách đọc theo âm tiếng Việt cổ như thế nào?) Chỉ có thể ước đoán là:	ghi theo âm đọc tiếng Pháp	ghi theo âm đọc tiếng Anh (Wade-Giles romanization)	ghi theo âm đọc tiếng Tàu (Pinyin)
M'Linh Mi Linh Mơ Linh Mê Linh	Meling (âm Việt: Mơ Linh hoặc M'Linh)	Mei-ling (âm Việt: Mê Linh hoặc Mi Linh)	Méiling (phát âm: Mê Lĩnh/ Mê Linh)

**hầu như các tác giả Việt đều ghi âm Hán Việt của 梅关 là *Mai quan*, nhưng:

- Chữ 梅: theo từ điển Thiều Chửu: **cây mơ**.

theo từ điển Trần Văn Chánh: 1. cây hoa mai, hoa mai; 2. cây mơ, quả mơ;

theo từ điển Nguyễn Quốc Hùng: 1. cây mơ; 2. cây mai

theo Pinyin đọc là *Méi* (phát âm *mê*), chỉ giống hoa **mơ** hoặc quả **Mơ ta** (Latin- Âu Mỹ gọi là: *Prunus mume* (plum blossom), *abricotier du Japon*, *Japanese apricot*...)

- Chữ 梅 khi dùng chung với chữ 关 (có nghĩa: 1.đèo, đường đi hẹp, cheo leo qua núi, 2. cửa ải, quan ải), đọc theo Pinyin là *Méiguān* (phát âm *Mê quan*), theo âm Việt có thể đọc 梅关 là **Mơ quan**, để chỉ cửa ải trên đường đèo núi Mơ: **cửa ải trên đèo Mơ**.

- Chữ 梅 khi dùng chung với chữ 花 (nghĩa: hoa) thì đọc là **Mai hoa** (âm Hán Việt).

- Chữ kép 梅花 trong văn thơ Tàu để chỉ hoa Mai vàng (Hoàng Mai), nhưng các tác giả Âu Mỹ lại dùng 梅花 để chỉ **hoa mận** (plum flower).

- Chữ kép 梅嶺 theo âm tiếng Việt có thể đọc là **Mơ Lĩnh**, đọc theo Pinyin là **Meiling** (phát âm **Mê Lĩnh**), các tác giả Âu Mỹ dùng 梅嶺 để chỉ **núi Mận** (plum mountain).



đọc theo Pinyin là **Meiling** (phát âm **Mê Lĩnh**)

Chữ 嶺: theo từ điển Thiều Chửu: Đỉnh núi có thể thông ra đường cái được gọi là **lĩnh**.

theo từ điển Trần Văn Chánh: 1. Đỉnh núi có thể thông ra đường cái, đường đèo

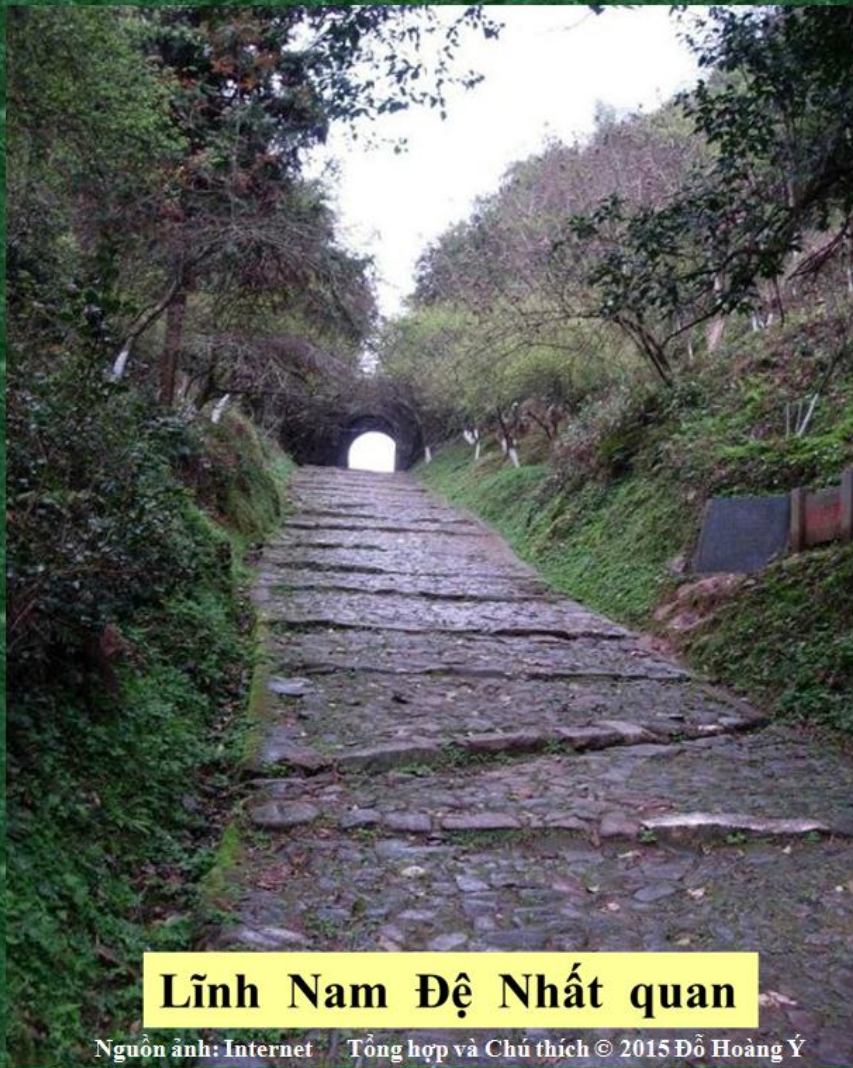
2. Dãy núi cao lớn

3. Chỉ riêng dãy Ngũ Lĩnh.

theo từ điển Nguyễn Quốc Hùng: Đường đi trên núi - Sườn núi.

Dãy núi - cũng đọc *Lĩnh*.

梅
关
古
道



*Mê
Quan
Cổ
Đạo*

Lĩnh Nam Đệ Nhất quan

Nguồn ảnh: Internet Tổng hợp và Chủ thích © 2015 Đỗ Hoàng Ý



嶺南第一關



Lĩnh
Nam
Đệ
Nhất
Quan

Nguồn ảnh: Internet Tổng hợp và Chú thích © 2015 Đỗ Hoàng Ý



南
粵
雄
關

chữ Việt 粵
bộ Mễ



Nam
Việt
Hùng
Quan

Nguồn ảnh: Internet Tổng hợp và Chú thích © 2015 Đỗ Hoàng Ý



Lĩnh Nam – Lĩnh Ngoại – Lĩnh biểu

Xem các ghi chép trong cổ sử Tàu liên quan đến cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng, chúng ta thấy có nhắc đến các địa danh Lĩnh Nam, Lĩnh ngoại, Lĩnh biểu.

Phần ghi chú và khảo luận sau đây là để tìm hiểu về các địa danh kể trên.

Lĩnh Nam

Từ thời Tây Hán, các văn gia và sử quan Tàu đặt tên Lĩnh Nam để chỉ miền phía Nam dãy Ngũ Lĩnh.

Thời Tây Hán đặt ra **Giao Chỉ bộ** trong khắp vùng phía Nam dãy Ngũ Lĩnh ra đến tận Nam hải (vịnh Bắc Việt ngày nay) (xin xem bản đồ **Giao Chỉ bộ** dưới đây)

Theo phần *Quận quốc chí* trong *Hậu Hán thư* [後漢書 - Hou Han shu, tác giả 范曄 Fan Yeh - Phạm Việp (398-446), viết vào khoảng năm 432 thời Lưu Tống, Nam triều (Liu Song, 420-478)]:

- quận Nam Hải (khoảng Quảng Đông ngày nay) có 7 thành,
 - quận Hợp Phố (khoảng Quảng Đông ngày nay) 5 thành,
 - quận Thương Ngô (khoảng Quảng Tây ngày nay) 11 thành,
 - quận Uất Lâm (khoảng Quảng Tây ngày nay) 11 thành,
 - quận Giao Chỉ (thường được hiểu là vùng đồng bằng Bắc Việt ngày nay) 12 thành,
 - quận Cửu Chân* (khoảng Quý Châu ngày nay) 5 thành,
 - quận Nhật Nam* (khoảng giữa Vân Nam, Quảng Tây) 5 thành,
- như vậy tổng cộng là **56 thành trong vùng Lĩnh Nam**.

Ghi chú: Danh sĩ Ngô Thì Sĩ ghi thuộc địa **Giao Chỉ bộ** gồm bảy quận, 56 thành.

Danh sĩ Lê Quý Đôn ghi 65 thành, nhưng chỉ liệt kê được 56 thành.

Như vậy, vùng Lĩnh Nam phù hợp với phạm vi **bảy quận trên lục địa** vùng Nam Đông Á của **Giao chỉ bộ**: Nam Hải, Uất Lâm, Thương Ngô, Hợp Phố, Cửu Chân, Nhật Nam, Giao Chỉ.

*về vị trí hai quận Cửu Chân, Nhật Nam, xin xem các bản đồ **vùng Lĩnh Nam** dưới đây.

-Theo *Nam Khang ký*: **Cửu Chân** ở cùng nơi với **Đô Bàng lĩnh**

69 - Sách *Nam khang ký* chép: "Ngũ lĩnh là: 1 - Đài Lĩnh, ở Đại Dữu; 2 - Kỳ Điển, ở huyện Quế Dương; 3 - Đô Bàng, ở Cửu Chân; 4 - Manh Chủ, ở Lâm Hạ; 5 - Việt Thành, ở Thủy Yên".

(trích từ: Vân Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, 1773. Biên dịch, Khảo thích: Trần văn Giáp – Hiệu đính, giới thiệu tác giả: Cao Xuân Huy - Hà Nội, 1961).

- Theo *Hán thư* (tác giả Ban Cố 班固, 32-92), *phần Địa lý chí* khi viết về Nhật Nam thì ghi quận **Nhật Nam là quận Tượng của nhà Tần** thời trước, được đặt ra vào năm Nguyên Đĩnh thứ sáu (năm 111TCN) thời Hán Vũ đế :

Cổ Tần Tượng quận, Vũ đế Nguyên Đĩnh lục niên khai

- Đồi sau, khi ghi chú về Tượng quận (*Sử ký-Tần Thủy Hoàng bản kỷ -Tượng quận hạ [tập giải]*), Vi Thiệu chú: *kim Nhật Nam quận.*

(Theo: *Đọc "Tần Hán Tượng quận biện tích"* (秦汉象郡辨析) của học giả Lý Long Chương (李龙章), Trần Việt Bắc, 2007).

- *Quận Nhật Nam, thời Tần là Tượng Quận, Vũ đế đổi tên,*

(*Hậu Hán thư*, quyển 23, *phần Quận quốc chí - ngũ* (郡國誌五),

theo tác giả Phạm văn Ánh, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2014)

(<http://yeuhannom.blogspot.com/2014/04/cuoc-khoi-nghia-hai-ba-trung-lan-gio.html>)

Ghi chú: Theo tác giả Minh Di: Câu này là **chú giải** của Thái tử Lý Hiền (655-684), đời Đường. Chính văn *Hậu Hán thư* **không ghi** việc Hán Vũ đế đổi tên Tượng quận thành Nhật Nam quận.

- Trong *Thủy kinh chú số* có ghi: Theo *Hán chí*: Nhật Nam là Tượng quận đời Tần (*Thủy kinh chú số*, quyển 36, trang 365, tác giả Dương Thủ Kính, Hùng Hội Trinh).





*

Lĩnh ngoại

* Theo tác giả Linh Mục Nguyễn Phương (*Việt Nam thời khai sinh* - Phòng nghiên cứu sử, Viện đại học Huế, 1965) đoạn **chính văn** trong bộ *Hậu Hán thư*, trang 747/3, ghi chép rất vắn tắt về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà như sau:

Phiên âm: "*Hựu Giao Chỉ nữ tử Trưng Trắc, cập nữ đệ Trưng Nhị phản, công đầu kỳ quận, Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố, man di giả ứng chi, khẩu lược Lĩnh Ngoại lục thập dư thành. Trắc tự lập vi vương*".

Tạm dịch nghĩa: Ở Giao Chỉ có người nữ tên Trưng Trắc cùng em gái là Trưng Nhị làm phản, đánh phá quận, người Man di ở Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố hưởng ứng, cướp chiếm **hơn 60 thành** ở Lĩnh Ngoại. **Trắc tự lập làm vua.**

Ghi chú và Khảo luận:

* Theo một số các tác giả khác, phần đầu của đoạn *chính văn* có khi được chép khác đi đôi chút:

... 交 趾 女 子 徵 側 及 其 妹 徵 貳 ...

...giao chỉ nữ tử Trưng Trắc cập kì muội Trưng Nhị ...

* Một điều chúng ta cần đặc biệt để ý là:

- chữ 側 (âm *trắc*) trong câu văn Tàu có nghĩa không tốt (như: phản trắc), nên khi dịch nghĩa thì đành theo sát nguyên văn chữ Tàu. Nhưng khi nhắc đến danh tính Bà Trưng, để **tỏ lòng tôn kính, nên ghi là Trưng Chắc.**

- chữ 貳 (âm *nhị*) trong câu văn Tàu có nghĩa không tốt (như: nhị tâm, nhị trùng) nên khi dịch nghĩa thì đành theo nguyên văn chữ Tàu. Nhưng khi nhắc đến danh tính Bà Trưng, để **tỏ lòng tôn kính, nên ghi là Trưng Nhị.**

(xin xem thêm bài *Tên họ Hai Bà Trưng*- © 2023 Đỗ Hoàng Ý)

Hiểu theo đoạn *chính văn* ghi trong *Hậu Hán thư* như trên:

...**khẩu lược Lĩnh Ngoại lục thập dư thành. Trắc tự lập vi vương.**

thì vùng Lĩnh Ngoại phải gồm cả Lĩnh Nam và thêm một số thành trong địa phận Kinh Châu và Dương Châu ở phía Bắc dãy Ngũ Lĩnh thì mới được hơn 60 thành (**lục thập dư thành**) mà quân khởi nghĩa đã chiếm được.

*Theo tác giả Lê Minh Khải (Liam Kelley):

至十六年，交趾女子徵側及其妹徵貳反，攻郡。徵側者，麓泠縣雒將之女也。（麓音莫支反，泠音零。）嫁為朱贛人詩索妻，甚雄勇。交趾太守蘇定以法繩之，側忿，故反。於是九真、日南、合浦蠻里皆應之，凡略六十五城，自立為王。

(<https://leminhkhai viet.wordpress.com/tag/nguyen-phuong-hau-han-thu-thuy-kinh-chu-dai-viet-su-ki-toan-thu/>): *Chồng của bà Trưng Trắc: Thi [Sách]*, Lê Minh Khải, 2013-2014.

(Người viết) Phiên âm Hán Việt:

*Chí thập lục niên, giao chỉ nữ tử trung trắc cập kì muội trung nhị phần, công quận ° trung trắc giả, mi linh huyện lạc tướng chi nữ dã ° (mi âm mạc chi phần, linh âm linh °) giá vi chu diên nhân thi sách thê, thậm hùng dũng ° giao chỉ thái thú tô định dĩ pháp thằng chi, trắc phần, cố phần ° ư thị cửu chân, nhật nam, hợp phổ man lí giai ứng chi, hoàn lược **lục thập ngũ thành**, tự lập vi vương.*

Đoạn văn này chứng tỏ cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt thời Hai Bà đã thành công:

- trong khắp miền Lĩnh Nam bao gồm 56 thành của **bảy quận** trong vùng Lĩnh Nam: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam,

- và lan rộng lên đến phía bắc của Ngũ Lĩnh, chiếm được thêm 9 thành trong miền nam Kinh Châu và Dương Châu.

Ghi chú:

*Thời Đông Hán, Trung Quốc được chia thành 13 châu lớn, trong đó:

- Kinh châu ở miền Nam của đất nhà Hán, bao gồm vùng rộng lớn trải qua các tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, Quý Châu, miền Tây của Giang Tây hiện nay. Kinh châu ở ngã ba sông Trường Giang, phía đông giáp Dương châu, phía tây giáp Ích châu, phía nam giáp lĩnh thổ Giao Chỉ Bộ (Giao châu sau này),

- Dương châu (tức Giang Đông) gồm khoảng miền nam An Huy, miền Đông của Giang Tây*, Chiết Giang và Phúc Kiến (ngày nay).

*nơi có Hoàng Hạc lâu, phủ Nam Xương.

*Theo thiên *Vũ công* trong *Thượng thư**:
**Thượng Thư* tương truyền do Khổng Tử san định, sau đó được gọi là Kinh Thư.

**Thượng Thư* tương truyền do Khổng Tử san định, sau đó được gọi là Kinh Thư.

- Dương châu (揚州), men theo Giang, Hải, cho đến Hoài, Tứ (Nay là khu vực phía nam Hoài Hà của Giang Tô, An Huy và phần phía bắc hai tỉnh Chiết Giang, Giang Tây).

- Kinh châu (荊州), thuận theo Giang, Đà, Tiềm, Hán, vượt qua Lạc, cho đến Nam Hà. (Nay là Hồ Bắc, vùng phía bắc Hành Sơn của Hồ Nam và phần cực tây bắc của Giang Tây).

Các tộc Bách Việt thượng cổ sinh sống đông đảo trong hai vùng châu Kinh và châu Dương.



Theo những ghi chép trên đây thì sự việc **cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà đã diễn ra trong khắp vùng Lĩnh Nam là sự kiện lịch sử khá chắc chắn** cần được tìm hiểu thêm vì có những biên khảo cho biết đến cuối thế kỷ XX vẫn còn nhiều đền, miếu thờ các vị tướng của cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà trong vùng Lĩnh Nam.

Tuy nhiên, vì đến nay người viết vẫn chưa thấy hình ảnh nào hoặc tài liệu được trưng dẫn về các đền, miếu thờ ấy, nên các sự kiện về các đền, miếu thờ liệt kê ra trong bảng tóm lược dưới đây còn cần được kiểm chứng.

- Đền thờ nữ tướng Trần Thiệu Lan ở đầu sông Trương. Trương truyền người được mai táng ở ghềnh sông Thâm Giang. Thâm Giang là một đoạn sông ngắn ở đoạn phía Bắc của sông Trương, tiếp nối với hồ Động Đình. Sự kiện này cũng được ghi trong Quốc phổ thời Nguyễn chép rằng các sứ thần nước ta từ các triều Lý, Trần, Lê ... khi đi ngang qua đây đều sấm lễ vật đến cung bái tại đền thờ ngài.

Trong đền có đôi câu đối:

Tịch trừ Động Đình uy trấn Hán,

Phương lưu thanh sử lực phù Trưng.

- miếu thờ 3 vị thần họ Đào ở ngã ba Ô giang và Trường giang nơi bến Bồ Lãng.

Ngay trước miếu có đôi câu đối ca tụng công lao của 3 vị tướng họ Đào đã kháng khái theo phò vua Trưng:

Khẳng khái phò Trưng thời bất lợi,

Đoạn trường trực Định tiết can vân.

Bên trong miếu thờ có đôi câu đối:

Giang thượng tam anh phù nữ chúa,

Bồ Lãng bách tộc khắp trung thân.

Tướng Đào Kỳ lĩnh chức Đại Tư mã thời vua Trưng. Tướng Đào Hiến Hiệu tước phong quốc công, giữ chức Hộ nha đại tướng quân. Nữ tướng Hoàng Thiệu Hoa chỉ huy trận rút lui khỏi Trường Sa, hồ Động Đình, đã giao tướng Hiến Hiệu đi can hậu, đóng ở Thiên Đài, đợi quân Lĩnh Nam rút hết, sẽ rút sau. Nhưng Hiến Hiệu cùng chư quân lên núi thấy di tích thời Quốc tổ, Quốc mẫu, nên không chịu lui quân, quyết tử chiến, khiến quân Hán chết hại rất nhiều.

- tại quận Khúc Giang, Thiệu Quan, tỉnh Quảng Đông còn đền thờ nữ tướng Đàm Ngọc Nga, tước Nguyệt Điện Tế Thế công chúa, giữ chức Tiên Đạo tả tướng quân, phó thống lĩnh đạo binh Nam Hải.

- tại Khúc Giang còn có đền thờ nữ tướng Trần Thị Phương Châu, tước Nam Hải Công Chúa. Ng ài tuần quốc tại đây vào đầu cuộc khởi nghĩa năm 39. Sử Việt có ghi vào năm 1288, Vua Trần Nhân Tông đã sai Đại thần Đoàn Nhữ Hài qua Khúc Giang trùng tu đền thờ ngài.

- Tại Quảng Đông và Quảng Tây có nhiều đền thờ nữ tướng Nguyễn Thánh Thiên, tước Thánh Thiên Công Chúa, giữ chức Bình Ngô đại tướng quân, thống lĩnh binh mã trấn thủ vùng Nam Hải. Ngài hi sinh tại vùng này vào năm 42.

- Dọc miền duyên hải Quảng Đông, Phúc Kiến, và đảo Hải Nam có nhiều đền thờ nữ tướng Trần Quốc (Nàng Quốc), tước Gia Hưng công chúa, giữ chức Trung Dũng đại tướng quân, Đô đốc, trưởng quân thủy quân trấn bắc Nam Hải. Dân các vùng này đã tôn ngài là Giao Long Tiên Nữ giáng trần vì ngài rất hiển linh.

(trích dẫn và tóm lược từ các bài trên internet, chính yếu từ bài *Thử tìm lại biên giới cổ của Việt Nam bằng cổ sử, bằng triết học, bằng di tích và hệ thống AND*, Trần Đại Sỹ, Giám đốc Trung Quốc sự vụ, Viện Pháp Á (Institut Franco-Asiatique (IFA), đọc trong dịp khai giảng niên khóa 1991-1992, nguyên văn bằng tiếng Pháp, bản dịch tiếng Việt của Tăng Hồng Minh)



Lĩnh biểu

Theo tác giả Phạm văn Ánh (Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội, 2014), trong *Hậu Hán thư* có những đoạn nhắc đến địa danh **Lĩnh biểu**:

* Ở **quyển 24**, phần *Mã Viện truyện* (馬援傳) ghi:

Viện đem trên hai ngàn lâu thuyền lớn nhỏ cùng trên hai vạn quân binh tiến đánh giặc ở Cửu Chân cùng dư đảng của Trưng Trắc là bọn Đô Dương, từ Vô Công đến Cư Phong, chém được trên 5 nghìn giặc, phía nam cõi Lĩnh biểu đều được bình định.

* Ở **quyển 86**, phần *Nam man truyện* (南蠻傳) ghi:

Tiến quân đánh bọn giặc Đô Dương ở Cửu Chân, phá được, chúng xin hàng. Dời hơn ba trăm tướng soái của y đến Linh Lăng, thế là đất lĩnh biểu thay được bình định”.

(<http://yeuhannom.blogspot.com/2014/04/cuoc-khoi-nghia-hai-ba-trung-lan-gio.html>)

Ghi chú và Khảo luận:

*Hai đoạn văn trên đây trích từ *Mã Viện truyện* (quyển 24) và *Nam Man truyện* (quyển 86) được ghi rõ là **truyện**, vì thế **không nên xem là chính sử**.

Có truyền thuyết cho rằng mãi đến cả 100 năm sau, vào thế kỷ thứ 6, Lưu Chiêu (劉昭) khi chú giải *Hậu Hán thư*, đã lấy các ghi chép từ *Tục Hán thư* (tác giả Tư Mã Bưu - 司馬彪 - viết vào thế kỷ thứ 3) gộp thêm vào thành 30 quyển cuối cùng của *Hậu Hán thư*.

Tuy thuyết này còn cần được kiểm chứng, nhưng dù sao theo như thế thì khó quyết đoán được phần nào của *Hậu Hán thư* còn lưu truyền được thực sự là do Phạm Việp ghi chép? Phần nào do các văn gia đời sau viết gán ghép thêm vào? Và rất có thể, **vì là truyện**, nên tình tiết có tính cách hư cấu, đã được tiểu thuyết hóa.

Tấu biểu* có thể là do Mã Viện làm, nhưng tình tiết **truyện rất có thể là do văn gia đời sau viết thêm vào. Dù sao chẳng nữa, ghi chép không nói rõ **lĩnh biểu** là những nơi nào?

- trong *Mã Viện truyện*: ghi chép **phía nam cõi Lĩnh biểu** đều được bình định.
- ghi chép này khác với ghi chép trong *Nam Man truyện*: thế là **đất lĩnh biểu** thay được bình định.

Như vậy có nghi vấn là vùng **phía nam cõi lĩnh biểu** được bình định hay chỉ có Vùng **đất lĩnh biểu** được bình định?

Để có thể giải thích địa danh **lĩnh biểu** cho hợp lý, chúng ta có thể hiểu:

- **lĩnh biểu** ý chỉ vùng xa **ngoài (biểu)** đất nhà Hán, là vùng phía bắc của dãy Ngũ Lĩnh, trải rộng từ Tràng Sa, qua Hành Sơn đến vùng Linh Lăng, Phân Mao lĩnh, phía nam của Nam Xương, vùng hồ Bà Dương và đến nơi tiếp giáp với dãy Ngũ Lĩnh. Theo như thế, **đất lĩnh biểu** gồm các vùng miền nam của Kinh châu và Dương châu.
- **phía nam cõi Lĩnh biểu** là bên phía nam của dãy Ngũ Lĩnh, chính là để chỉ vùng Lĩnh Nam.

* - tiến đánh giặc ở **Cửu Chân** cùng dư đảng của Trung Trắc là bọn Đô Dương, từ Vô Công đến Cư Phong, chém được trên 5 nghìn giặc, **phía nam cõi Lĩnh biểu đều được bình định.**
(Mã Viện truyện)

- tiến quân đánh bọn giặc Đô Dương ở **Cửu Chân**, phá được, chúng xin hàng. Dời hơn ba trăm tướng soái của y đến **Linh Lăng**, thế là **đất lĩnh biểu thủy được bình định.**
(Nam Man truyện)

Ghi chú: theo Nam Khang ký:

69 - Sách Nam khang ký chép: "Ngũ lĩnh là: 1 - Đái Lĩnh, ở Đại Dữu; 2 - Kỳ Điền, ở huyện Quế Dương; 3 - Đô Bàng, ở Cửu Chân; 4 - Manh Chủ, ở Lâm Hạ; 5 - Việt Thành, ở Thủy Yên".

(trích từ: Văn Đài Loại Ngữ, Lê Quý Đôn, 1773. Biên dịch, Khảo thích: Trần văn Giáp – Hiệu đính, giới thiệu tác giả: Cao Xuân Huy - Hà Nội, 1961).

Theo như ghi chép trên đây, sau khi đánh thắng đoàn quân khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo, Mã Viện đã đuổi đánh dư đảng của Trung Trắc là bọn Đô Dương ở **Cửu Chân trong vùng Đô Bàng lĩnh**, bắt hơn ba trăm tướng soái của y đến **Linh Lăng** (零陵 – cách khoảng 150 cây số về phía bắc của Ngũ Lĩnh).



* Hiểu theo các khảo luận trên đây, các ghi chép trong *Hậu Hán thư*, **quyển 24**, phần *Mã Viện truyện* và **quyển 86**, phần *Nam man truyện* mơ hồ và mâu thuẫn. Điều này cho thấy thêm nghi vấn là các chi tiết **truyện sử trong Hậu Hán thư** rất có thể là do nhiều văn gia đời sau viết thêm vào:

- Ở **quyển 24**, phần *Mã Viện truyện* (馬援傳) ghi:

..... **phía nam cõi Lĩnh biểu** đều được bình định.

Người đọc có thể hiểu là Mã Viện đã đánh chiếm được và bình định vùng Lĩnh Nam (**phía nam cõi Lĩnh biểu**).

- Nhưng nếu theo ghi chép ở **quyển 86**, phần *Nam man truyện* (南蠻傳):

..... **thế là đất lĩnh biểu** thầy được bình định.

Người đọc có thể hiểu là Mã Viện **chỉ đánh thắng trận chiến** trong vùng miền nam của Kinh châu và Dương châu (**đất lĩnh biểu**) mà thôi.

* Điểm cần được lưu ý là: **Sau khi** đánh thắng quân khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo, Mã Viện mới tiến quân về phía Nam, **tiến đánh giặc ở Cửu Chân cùng dư đảng của Trưng Trắc là bọn Đô Dương, từ Vô Công đến Cư Phong**.

Nói cách khác:

- trận chiến giữa quan quân Đông Hán do Mã Viện chỉ huy với quân khởi nghĩa do Hai Bà lãnh đạo đã chỉ xảy ra trong vùng Lĩnh biểu (miền nam của Kinh châu và Dương châu) mà thôi.
- sau khi thắng trận Mã Viện mới tiến quân về phía Nam, tiến đánh toán quân khởi nghĩa ở Cửu Chân do Đô Dương chỉ huy: *phá được, chúng xin hàng*.
- Mã Viện bắt làm tù binh: *dời hơn ba trăm tướng soái của y* đến Linh Lăng (零陵) cách khoảng 150 cây số về phía bắc của Cửu Chân.* * của Đô Dương.

Hiểu theo diễn tiến như thế, đoàn quân Đông Hán do Mã Viện chỉ huy đã ngừng ở Cửu Chân, vùng Đô Bàn lĩnh (khoảng vĩ độ 25⁰) và rút lui về Linh Lăng (tọa độ: 26⁰ 15' & 111⁰ 40'), **đã không vượt qua rặng Ngũ Lĩnh, đã không hề đặt chân đến vùng Lĩnh Nam**.

* Thêm một sự kiện **đặc biệt** đáng được lưu ý là diễn tiến kể trên phù hợp với truyền thuyết **đồng trụ Mã Viện** trồng ở núi Phân Mao - "*nãi lập đồng trụ vi Hán cực giới*" - xem đây là biên giới cực nam của đất nhà Đông Hán. Điều này cho thấy là **khó có thể tin được** sự kiện Mã Viện và quan quân Đông Hán đã tấn công vào đến quận Giao Chỉ và chiếm giữ được Giao Chỉ!

Lý do là chẳng lẽ Mã Viện đem quân đánh vào tận quận Giao Chỉ rồi rút quân hoàn toàn ra khỏi quận Giao Chỉ, đã không chiếm giữ phần đất nào, lại còn lui quân ngược trở lại, đi vòng vào băng rừng vượt núi hơn 1000 cây số, lùi về phía bắc vượt quá cả dãy Ngũ Lĩnh, tự nguyện đặt *đồng trụ* ghi dấu biên giới cực nam đất nhà Hán ở mãi tận núi Phân Mao* trong vùng miền nam Hồ Nam!

* Núi **Phân Mao** ở vào khoảng vĩ độ: 26⁰ 30', kinh độ: 112⁰ 40', mãi tận vùng phía nam của Tráng Sa, hồ Động Đình, cách khoảng 150 cây số về phía bắc dãy Ngũ Lĩnh. (xin xem bài *Phân Mao lĩnh – Hành sơn*, Đỗ Hoàng Ý, 2024)



Đối chiếu và tổng hợp các ghi chép khảo luận trên đây, chúng ta có thể nhận ra được:

* khá chắc chắn là cuộc khởi nghĩa của các tộc Việt thời Hai Bà đã khởi phát và thành công trong khắp miền Lĩnh Ngoại (gồm cả Lĩnh Nam và Lĩnh biểu), quân khởi nghĩa đã chiếm được:

- 56 thành của **bảy quận** trong vùng Lĩnh Nam: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam,

- và chiếm được thêm 9 thành trong miền nam Kinh Châu và Dương Châu, ở phía bắc của dãy Ngũ Lĩnh.

* rất có thể là đoàn quân Đông Hán do Mã Viện chỉ huy đã **chỉ đánh thắng trận chiến** trong vùng miền nam của Kinh châu và Dương châu (*đất lĩnh biểu*) mà thôi, nhưng **đã không vượt qua được rặng Ngũ Lĩnh**, và như thế **đã không chiếm được vùng Lĩnh Nam**.

Điều quan trọng là theo những phân tích và đối chiếu như trên, chúng ta thấy hiển nhiên **quan quân Đông Hán do Mã Viện chỉ huy chưa hề tiến vào đến vùng quận Giao Chỉ ở đồng bằng sông Hồng**.



Bài biên khảo này được trình bày để bạn đọc suy nghiệm những điều nêu ra trong bài, tiếp tục thu thập, nghiên cứu sâu rộng hơn và kiểm chứng những dữ kiện về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng còn được lưu truyền trong các cổ sử, thơ văn, bản đồ cổ, ... Ước mong sự thật về cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà được minh chứng, để có thể đóng góp và lưu truyền nhiều thêm những dữ kiện chân thực của lịch sử, của văn hóa dân tộc Việt cho các thế hệ mai sau.

Hy vọng bài viết này phần nào sẽ lưu ý bạn đọc một số những ghi chép trong các sử liệu, từ xưa đến nay, cần được suy xét cẩn trọng hầu mong giúp mình thoát ra khỏi được các ngộ nhận về lịch sử Việt thượng cổ, để không phụ công đức của tiền nhân đã hy sinh xương máu bảo vệ đất nước Việt gấm vóc trải rộng bao la dưới trời Đông Á.

Đỗ Hoàng Ý

Tháng 3 năm 2024

Xin chân thành ghi công và tri ân tất cả các học giả, những nhà nghiên cứu biên khảo, các nhà nhiếp ảnh đã dành tâm huyết, công sức để thu thập dữ kiện, hoàn thành các công trình biên khảo, những hình ảnh quý báu và phổ biến trên internet cho chúng tôi, những người đi sau, học hỏi, mở mang kiến thức để có thể hoàn thành bài viết này.

Xin ghi nhận và cảm ơn **ông Hồ Vĩnh Hảo** đã hợp tác, đóng góp ý kiến, tận tâm sưu tầm các tài liệu sử cổ, bản đồ cổ và bỏ rất nhiều công sức giúp tìm và định vị trí các địa danh lịch sử Việt cổ trong vùng Đông Á.

RECOGNITION and APPRECIATION:

We appreciate all authors, researchers, photographers who dedicated their time and efforts to compile valuable books, articles, to capture unforgettable scenes of our homeland Vietnam and generously posted their work on the internet for public use.

In recognition of their noble sacrifices, all their intellectual properties used in this presentation are for the education and the preservation of the Vietnamese heritage and for honoring their invaluable contributions to the knowledge of humankind.

Notion: Information from this source is evidence-based and objective, and without commercial influence.

This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution License, which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium, provided the original author and source are credited.

FAIR USE NOTICE:

This essay contains copyrighted material the use of which has not always been specifically authorized by the copyright owner. We are making such material available in our efforts to advance understanding of issues of cultural and humanitarian significance. We believe this constitutes a 'fair use' of any such copyrighted material as provided for in section 107 of the US Copyright Law. In accordance with Title 17 U.S.C. Section 107, the material in this essay is distributed without profit to those who have expressed a prior interest in receiving the included information for research and educational purposes.

If you wish to use copyrighted material from this essay for purposes of your own that go beyond 'fair use', you must obtain permission from the copyright owner.

(Trích từ: *Cuộc khởi nghĩa thời Hai Bà Trưng*, © 2015 - 2024, Đỗ Hoàng Ý)